

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 157/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Về thanh toán, quyết toán vốn ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 và Luật số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 96/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định về thanh toán, quyết toán vốn ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về thanh toán, quyết toán vốn ngân sách nhà nước nguồn ngân sách trung ương để cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc cấp bù lãi suất

- Việc cấp bù lãi suất bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục đích, tránh trục lợi chính sách.

2. Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước.

3. Ngân hàng thương mại thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước đảm bảo đúng quy định, tạo thuận lợi cho khách hàng.

4. Các khoản vay được cấp bù lãi suất phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện được cấp bù lãi suất theo quy định của pháp luật, có đầy đủ chứng từ hợp pháp.

Điều 4. Lập kế hoạch vốn ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất

1. Việc lập kế hoạch đầu tư công để cấp bù lãi suất được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổng hợp nhu cầu cấp bù lãi suất của các ngân hàng thương mại thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước trong kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm, lập báo cáo và gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền.

3. Sau khi được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công (bao gồm kế hoạch giao đầu năm, bổ sung hoặc điều chỉnh trong năm ngân sách), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện phân bổ chi tiết, giao kế hoạch đầu tư công để cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại; điều chỉnh kế hoạch đầu tư công để cấp bù lãi suất giữa các ngân hàng thương mại trong trường hợp không thay đổi tổng mức vốn trung hạn và hằng năm đã được cấp có thẩm quyền quyết định khi cần thiết và gửi Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước để phối hợp thực hiện. Thẩm quyền quyết định, thời gian phân bổ và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 5. Thực hiện thanh toán vốn ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất

1. Trước ngày 20 của tháng đầu tiên hằng quý, ngân hàng thương mại gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hồ sơ đề nghị thanh toán số tiền cấp bù lãi suất đã thực hiện, riêng hồ sơ của quý IV hằng năm gửi trước ngày 05 tháng 01 năm kế tiếp.

a) Thành phần hồ sơ bao gồm: Văn bản đề nghị thanh toán số tiền cấp bù lãi suất, trong đó ghi rõ số tiền ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng, số tiền đề nghị thanh toán cấp bù lãi suất, tài khoản nhận tiền của ngân hàng thương mại; Báo cáo về tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với khách hàng của ngân hàng thương mại theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; Bảng kê chứng từ chứng minh khách hàng đã được hỗ trợ lãi suất theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Ngân hàng thương mại chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, chính xác của hồ sơ, số liệu đề nghị thanh toán số tiền cấp bù lãi suất theo quy định của pháp luật.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bản.

c) Hình thức gửi hồ sơ (theo một trong các cách sau): gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc gửi qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

d) Thời hạn giải quyết: Trường hợp hồ sơ đề nghị của ngân hàng thương mại chưa hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gửi thông báo bằng văn bản cho ngân hàng thương mại trong vòng 05 ngày làm việc để hoàn thiện hồ sơ. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam rà soát, tổng hợp số tiền đề nghị thanh toán của ngân hàng thương mại.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam lập hồ sơ đề nghị thanh toán cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại và gửi Kho bạc Nhà nước.

a) Thành phần hồ sơ bao gồm: Văn bản đề nghị thanh toán; Giấy đề nghị thanh toán theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; Giấy rút vốn theo Mẫu số 05.a/TT ban hành kèm theo Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bản, riêng giấy rút vốn là 03 bản. Đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ phải được ký chữ ký số theo quy định.

c) Hình thức gửi hồ sơ (theo một trong các cách sau): gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc gửi qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

d) Kho bạc Nhà nước tiếp nhận, kiểm tra các thông tin trên hồ sơ đề nghị thanh toán của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trong phạm vi kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm được giao, phạm vi tồn quỹ ngân sách để làm thủ tục thanh toán cho ngân hàng thương mại; đồng thời, gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 01 liên chứng từ (chứng từ báo Nợ) để xác nhận đã thực hiện thanh toán.

Trường hợp Kho bạc Nhà nước từ chối đề nghị thanh toán, Kho bạc Nhà nước gửi thông báo từ chối chấp thuận thanh toán khoản chi ngân sách nhà nước (trong đó nêu rõ lý do từ chối) cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

đ) Thời hạn giải quyết: Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày Kho bạc Nhà nước nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Tổng số tiền thanh toán cho các ngân hàng thương mại theo quy định tại khoản 2 Điều này trong năm ngân sách không vượt quá số giao kế hoạch đầu tư công cấp bù lãi suất đã thông báo trong năm.

4. Trường hợp số tiền cấp bù lãi suất trong năm thực tế phát sinh nhỏ hơn số dự toán được bố trí, phần chênh lệch bố trí dự toán thừa thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị định này và các văn bản pháp luật có liên quan.

5. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để nhận dự toán ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi cho các ngân hàng thương mại.

Điều 6. Quyết toán vốn ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại theo năm ngân sách (quyết toán theo niên độ)

1. Việc lập báo cáo quyết toán vốn ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại theo năm ngân sách (quyết toán theo niên độ) phải bảo đảm các yêu cầu theo quy định tại Điều 67 Luật Ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn.

2. Ngân hàng thương mại có trách nhiệm lập hồ sơ quyết toán cấp bù lãi suất, trong đó xác định chính xác số tiền cấp bù lãi suất cho từng khách hàng và tổng hợp chung của cả ngân hàng thương mại gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hồ sơ (bản chính) bao gồm:

a) Công văn về việc quyết toán cấp bù lãi suất, trong đó ghi rõ số tiền ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng, số tiền hỗ trợ lãi suất đã thu hồi, số tiền ngân sách nhà nước đã thanh toán, số tiền đề nghị quyết toán;

b) Báo cáo tổng hợp số liệu đề nghị quyết toán cấp bù lãi suất của ngân hàng thương mại đã được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập hoặc Kiểm toán nhà nước;

c) Bảng kê chứng từ chứng minh khách hàng đã được hỗ trợ lãi suất trong năm quyết toán.

Ngân hàng thương mại chịu trách nhiệm về tính hợp lệ và chính xác của hồ sơ, số liệu quyết toán cấp bù lãi suất.

3. Số tiền cấp bù lãi suất quyết toán được xác định như sau:

a) Số tiền cấp bù lãi suất thực tế thanh toán cho một khoản giải ngân được tính theo công thức:

$$I = \text{Mức lãi suất hỗ trợ (\%)} \times \sum(D_i \times T_i) / 365$$

Trong đó:

I là số tiền cấp bù lãi suất thực tế thanh toán cho khoản giải ngân;

$\sum(D_i \times T_i)$ là tổng các tích số giữa số dư nợ với số ngày dư nợ thực tế được cấp bù lãi suất của khoản giải ngân.

b) Số tiền cấp bù lãi suất thực tế thanh toán cho một khoản vay là tổng số tiền lãi thực tế thanh toán cho tất cả các khoản giải ngân của khoản vay đó.

c) Số tiền cấp bù lãi suất thực tế đề nghị ngân sách nhà nước thanh toán là tổng số tiền lãi thực tế thanh toán cho tất cả các khoản vay thuộc đối tượng được cấp bù lãi suất.

4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kiểm tra về tính đầy đủ, khớp đúng của các số liệu tại hồ sơ quyết toán vốn ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất theo năm ngân sách của từng ngân hàng thương mại, thực hiện xét duyệt quyết toán theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật Ngân sách nhà nước, Điều 32 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và ra thông báo xét duyệt quyết toán vốn ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại theo năm ngân sách theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổng hợp báo cáo quyết toán vốn ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất của ngân hàng thương mại theo năm ngân sách gửi Bộ Tài chính trước ngày 05 tháng 7 năm sau.

6. Bộ Tài chính kiểm tra báo cáo tổng hợp quyết toán vốn ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất theo năm ngân sách của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tính đầy đủ, khớp đúng giữa các số liệu quyết toán với xác nhận của Kho bạc nhà nước.

Điều 7. Xử lý thu hồi số tiền đã cấp bù lãi suất

1. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát hiện khoản vay của khách hàng được xác định không thuộc đối tượng, sử dụng vốn vay sai mục đích hoặc không đáp ứng điều kiện được hỗ trợ lãi suất theo quy định của pháp luật, ngân hàng thương mại thu hồi toàn bộ số tiền đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng.

2. Trường hợp thu hồi số tiền đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng trong thời gian chính sách hỗ trợ lãi suất còn hiệu lực, số tiền thu hồi được bù trừ vào số tiền ngân sách nhà nước thanh toán cho ngân hàng. Trường hợp chính sách hỗ trợ lãi suất hết hiệu lực và ngân sách nhà nước đã thanh toán thì ngân hàng thương mại phải hoàn trả ngân sách nhà nước số tiền cấp bù lãi suất tương ứng.

3. Ngân hàng thương mại thực hiện hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và gửi văn bản cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính về việc thu hồi và hoàn trả ngân sách nhà nước để theo dõi.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

a) Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí cấp bù lãi suất để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước để thanh toán cho các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật;

b) Kiểm tra báo cáo tổng hợp quyết toán cấp bù lãi suất hằng năm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định tại Nghị định này.

2. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

a) Tổng hợp kế hoạch cấp bù lãi suất của các ngân hàng thương mại; phân bổ, giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công để cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại; lập hồ sơ đề nghị thanh toán, chịu trách nhiệm về hồ sơ, số tiền đề nghị thanh toán cấp bù lãi suất của các ngân hàng thương mại khi gửi Kho bạc Nhà nước theo quy định tại Nghị định này;

b) Tổng hợp báo cáo quyết toán cấp bù lãi suất hằng năm của các ngân hàng thương mại; ra thông báo xét duyệt quyết toán cấp bù lãi suất hằng năm cho các ngân hàng thương mại;

c) Theo dõi, xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc thực hiện thanh toán, quyết toán với các ngân hàng thương mại.

3. Trách nhiệm của ngân hàng thương mại

a) Báo cáo đầy đủ, kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, chính xác của hồ sơ, số liệu đề nghị thanh toán, quyết toán cấp bù lãi suất theo quy định tại Nghị định này;

b) Cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền các tài liệu liên quan đến việc cấp bù lãi suất khi được yêu cầu (bản chính hoặc bản sao do ngân hàng thương mại đóng dấu sao y);

c) Thu hồi số tiền đã hỗ trợ lãi suất đối với khoản vay của khách hàng được xác định không thuộc đối tượng, sử dụng vốn vay sai mục đích hoặc không đáp ứng điều kiện được hỗ trợ lãi suất theo quy định của pháp luật để hoàn trả ngân sách nhà nước.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các chương trình tín dụng ưu đãi của Nhà nước chưa thực hiện thanh toán, quyết toán cấp bù lãi suất trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, việc thanh toán, quyết toán cấp bù lãi suất được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các ngân hàng thương mại và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2). **66**

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Văn Thắng



Phụ lục

*(Kèm theo Nghị định số 157/2026/NĐ-CP
ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Báo cáo tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với khách hàng
Mẫu số 02	Bảng kê chứng từ chứng minh khách hàng đã được hỗ trợ lãi suất
Mẫu số 03	Mẫu giấy đề nghị thanh toán cấp bù lãi suất
Mẫu số 04	Thông báo xét duyệt quyết toán vốn ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất theo năm ngân sách cho các ngân hàng thương mại

TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HỖ TRỢ LÃI SUẤT
ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG**

Quý...năm...

Đơn vị: Đồng

STT	Tên chi nhánh ngân hàng thương mại (theo địa bàn)	Dư nợ HTLS đầu kỳ	Doanh số phát sinh		Dư nợ HTLS cuối kỳ	Số tiền NHTM đã HTLS	Số tiền đã HTLS bị thu hồi phải giảm trừ	Số tiền đề nghị NSNN thanh toán
			Cho vay	Thu nợ				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7)-(8)
I	Chương trình ...							
1	Tỉnh...							
1.1	Chi nhánh A							
1.2	Chi nhánh B							
.....								
2	Tỉnh.....							
2.1	...							
	...							
II	Chương trình ...							
	...							
Tổng số								

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày... tháng... năm...

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột (3), (4), (5), (6) báo cáo dư nợ hỗ trợ lãi suất, doanh số cho vay hỗ trợ lãi suất, doanh số thu nợ hỗ trợ lãi suất (không bao gồm các khoản vay quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này).

- Cột (7) báo cáo số tiền ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất (bao gồm cả số tiền đã hỗ trợ lãi suất phải thu hồi), không bao gồm số tiền hỗ trợ lãi suất đã gửi hồ sơ đề nghị cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Cột (8) báo cáo số tiền ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất (phát sinh từ đầu chương trình đến hết kỳ báo cáo) nhưng trong kỳ báo cáo được xác định phải thu hồi theo quy định tại Điều 7 Nghị định này.

- Cột (9) chỉ báo cáo số liệu tại dòng Tổng số.

- Trường hợp số tiền ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất trong kỳ nhỏ hơn số tiền đã hỗ trợ lãi suất bị thu hồi phải giảm trừ trong kỳ thì số tiền ngân hàng thương mại đề nghị ngân sách nhà nước thanh toán cấp bù lãi suất trong kỳ = 0. Phần chênh lệch giữa số tiền đã hỗ trợ lãi suất bị thu hồi phải giảm trừ trong kỳ và số tiền ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất trong kỳ phải hoàn trả ngân sách nhà nước.

- Ngân hàng thương mại gửi bản chính (ký tên, đóng dấu) kèm bản excel (copy trong thiết bị lưu trữ dữ liệu như đĩa, usb, hoặc gửi email theo địa chỉ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cung cấp), đảm bảo khớp đúng dữ liệu giữa các bản.

TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CHỨNG MINH KHÁCH HÀNG
ĐÃ ĐƯỢC HỖ TRỢ LÃI SUẤT
Quý...năm...**

Đơn vị: Đồng

STT	Tên chi nhánh ngân hàng thương mại (theo địa bàn)/ Tên khách hàng	Mã số thuế/ ĐKKD	Số hiệu khế ước nhận nợ/ Số tài khoản nhận nợ chi tiết trên hệ thống	Ngày khế ước/ Ngày tài khoản nhận nợ chi tiết trên hệ thống	Số hiệu chứng từ HTLS	Ngày chứng từ HTLS	Số tiền đã HTLS theo chứng từ phát sinh	Số tiền đã HTLS bị thu hồi phải giảm trừ	Số tiền đề nghị NSNN thanh toán
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(8)-(9)
I	Chương trình ...								
1	Tỉnh...								
1.1	Chi nhánh A								
1.1.1	Khách hàng X								
1.1.2	Khách hàng Y								
	...								
II	Chương trình ...								
	...								
Tổng số									

....., ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT
(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột (8) báo cáo số tiền ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất theo các chứng từ hỗ trợ lãi suất phát sinh (bao gồm cả số tiền đã hỗ trợ lãi suất phải thu hồi).
- Cột (9) báo cáo số tiền ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất theo các chứng từ hỗ trợ lãi suất (gồm chứng từ phát sinh trong kỳ báo cáo) nhưng trong kỳ báo cáo được xác định phải thu hồi theo quy định tại Điều 7 Nghị định này.
- Cột (10) chỉ báo cáo số liệu tại dòng Tổng số.
- Trường hợp số tiền ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất trong kỳ nhỏ hơn số tiền đã hỗ trợ lãi suất bị thu hồi phải giảm trừ trong kỳ thì số tiền ngân hàng thương mại đề nghị ngân sách nhà nước thanh toán cấp bù lãi suất trong kỳ = 0. Phần chênh lệch giữa số tiền đã hỗ trợ lãi suất bị thu hồi phải giảm trừ trong kỳ và số tiền ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất trong kỳ phải hoàn trả ngân sách nhà nước.
- Ngân hàng thương mại gửi bản chính (ký tên, đóng dấu) kèm bản excel (copy trong thiết bị lưu trữ dữ liệu như đĩa, usb, hoặc gửi email theo địa chỉ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cung cấp), đảm bảo khớp đúng dữ liệu giữa các bản.

Mẫu số 03

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN CẤP BÙ LÃI SUẤTKính gửi:(1)¹

Căn cứ Quyết định số.... ngày ... của Thủ tướng Chính phủ về việc giao vốn...;

Căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Số tiền đề nghị thanh toán kỳ này: đồng

Bằng chữ:.....

- Kế hoạch vốn ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất trong năm: ...đồng

- Số tiền lũy kế đã thanh toán đến hết kỳ trước: ... đồng

(Bằng chữ:.....)

- Số tiền đề nghị thanh toán kỳ này: ... đồng

(Bằng chữ:.....)

- Số tiền còn lại chưa thanh toán: ... đồng

(Bằng chữ:.....)

- Thuộc nguồn vốn (vốn trong nước): ...

- Thuộc kế hoạch: ... năm ...

Đơn vị: Đồng

STT	Tên chương trình, chính sách tín dụng	Mã số thuế	Số tài khoản NHTM/ Mã Citad	Số tiền NHNN phê duyệt thanh toán cấp bù lãi suất cho các NHTM	Ghi chú
I	Chương trình...				
1	Ngân hàng...				
2	Ngân hàng...				
II	Chương trình...				
1	Ngân hàng...				
2	Ngân hàng...				
				
Tổng cộng					

KẾ TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN NHNNVN
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

¹ Ghi chú: (1): KBNN nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch.

PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN THANH TOÁN

- Ngày nhận giấy đề nghị thanh toán cấp bù lãi suất: ...

- Cơ quan thanh toán chấp thuận: ...

- Tổng số tiền: ... đồng

Bằng chữ: ...

- Số từ chối: ... đồng

Lý do: ...

Ghi chú:...

....., ngày ... tháng ... năm ...

KẾ TOÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT

(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KBNN NƠI GIAO DỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO**Xét duyệt quyết toán vốn ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất theo năm ngân sách ... cho các ngân hàng thương mại.....**

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định về thanh toán, quyết toán vốn ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước;

Căn cứ hồ sơ quyết toán vốn ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất nămcủa các ngân hàng.....;

Sau khi xét duyệt báo cáo quyết toán vốn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách ... của ..., Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo như sau:

1. Nhận xét chung

(Nhận xét về việc chấp hành chế độ chính sách, thời gian báo cáo, nội dung, biểu mẫu báo cáo)

2. Về nội dung cụ thể:

a) Kiểm tra về tính đầy đủ, khớp đúng của các số liệu khi thực hiện tổng hợp báo cáo quyết toán, gồm: số tiền các ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất trong năm, số tiền đã hỗ trợ lãi suất bị thu hồi trong năm, số tiền đã được ngân sách nhà nước thanh toán trong năm.

b) Số tiền ngân sách nhà nước thanh toán cấp bù lãi suất thiếu hoặc thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và văn bản hướng dẫn.

c) Các vấn đề phát hiện qua quá trình tổng hợp báo cáo quyết toán, kiểm tra, thanh tra, giám sát (nếu có).

d) Xác định số vốn được quyết toán trong năm ngân sách.

đ) Các nội dung khác (nếu có).

(Số liệu chi tiết theo biểu đính kèm)

3. Kiến nghị (nếu có):**Nơi nhận:**

- Cơ quan, đơn vị báo cáo...;
- Bộ Tài chính;
- Lưu: ...

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

THÔNG BÁO XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN VỐN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO NĂM NGÂN SÁCH....

(kèm theo Thông báo số: ngày.... tháng... năm... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

STT	Tên ngân hàng thương mại	Theo báo cáo quyết toán của NHTM				Theo xét duyệt quyết toán của NHNNVN					Ghi chú
		Số tiền NHTM đã HTLS	Số tiền HTLS bị thu hồi	Số tiền đã được NSNN thanh toán	Số tiền đề nghị quyết toán CBLS	Số tiền NHTM đã HTLS	Số tiền đã HTLS bị thu hồi	Số tiền đã được NSNN thanh toán	Số xét duyệt quyết toán CBLS	Chênh lệch số NHNN xét duyệt quyết toán so với số NHTM đề nghị quyết toán	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Ngân hàng A										
2	Ngân hàng B										
										
	...										
Tổng số											

...., ngày.... tháng... năm...

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)